TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09/11/2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Hoàng Ngọc Tuấn

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1/ Bà Lê Thị Đạm

2/ Ông Lê Văn Ký

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Doãn Thị Luyến - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường Toà án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2018/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2018/QĐXX - ST ngày 24 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Thị Th - Sinh năm: 1988
Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Th Hóa

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Ch - Sinh năm: 1988
Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Th Hóa

Người giám hộ cho anh Ch: Chị Nguyễn Thị L - Sinh năm 1979
Địa chỉ: Thôn Vỹ L, xã H, huyện H, tỉnh Th Hóa
(Là chị gái của anh Ch)

Tại phiên tòa có mặt chị Th, anh Ch, chị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Mai Thị Th trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Văn Ch kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức cưới và được Uỷ ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Th Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/4/2012. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, không có trách nhiệm quan tâm tình cảm với nhau. Do đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không giải quyết được. Từ tháng 7 năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh Ch.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là cháu: Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 22/01/2013. Hiện nay cháu khỏe mạnh bình thường và đang ở với anh Ch. Nay vợ chồng ly hôn nguyện vọng của chị là xin được nuôi dưỡng cháu B và không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Hiện chị làm công nhân thu nhập 5.500.000đ/tháng.

- *Về tài sản:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** Tại bản tự khai, B bản hòa giải và trong quá trình xét xử, bị đơn là anh Nguyễn Văn Ch có đề nghị:

- *Về hôn nhân:* Anh và chị Mai Thị Th kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức cưới và được Uỷ ban nhân dân xã H, huyện H cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/4/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. từ tháng 6/2018 chị Th bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và từ đó vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay chị Th có đơn xin ly hôn, xét thấy tình cảm vợ chồng cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý và xin được ly hôn chị Th.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là cháu: Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 22/01/2013. Hiện nay cháu khỏe mạnh bình thường và đang ở với anh. Nay vợ chồng ly hôn nguyện vọng của anh là xin được nuôi dưỡng cháu B và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Mức thu nhập hiện nay là 6.600.000đ/tháng.

- *Về tài sản:* Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn của chị Th, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Th và anh Ch; về con giao cháu B cho anh Ch nuôi dưỡng, chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con; chị Th phải chịu tiền án phí DSST.

Tại phiên tòa hôm nay chị Th giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện, các bên không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Mai Thị Th và anh Nguyễn Văn Ch kết hôn năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Chị Th và anh Ch đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2018, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên hay xảy ra cải nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2018 đến nay không quan tâm đến nhau, anh chị đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên đều xin được ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải để mong anh chị đoàn tụ nhưng không được. Nay tại phiên tòa anh chị vẫn xin được thuận tình ly hôn.

Xét thấy: Việc chị Th và anh Ch xin thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện không trái với quy định của pháp luât. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật HN&GĐ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị Th và anh Nguyễn Văn Ch là phù hợp pháp luật.

[2] Về con: Vợ chồng thống nhất có hai con chung là cháu: Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 22/01/2013.

Ngoài ra chị Th và anh Ch thống nhất cháu Nguyễn Tấn V, sinh ngày 10/3/2011 trong giấy khai sinh có bố tên là Nguyễn Văn Ch. Cả anh Ch và chị Th thống nhất cháu V là con riêng của chị Th, khi khai sinh cho cháu chị Th đã lấy tên bố là Nguyễn Văn Ch. Nay anh chị Thống nhất do cháu V là con riêng của chị Th và hiện nay chị Th đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nên cả hai không đề nghị Tòa án giải quyết đối với cháu Vinh.

Nay vợ chồng ly hôn, nguyện vọng của chị Th và anh Ch là đều xin được nuôi dưỡng cháu B.

Xét thấy nguyện vọng được nuôi con của anh, chị là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên.

Tuy anh Ch bị hạn chế năng lực là câm điếc nhưng Tòa án đã làm làm việc với UBND xã H, trưởng thôn V, xã H nơi anh chị và gia đình sinh sống. Đều cùng có ý kiến cháu B từ nhỏ đến nay ở với bố Ch, được bố chăm sóc nuôi dưỡng đầy đủ chu

đáo, được đi học, anh Ch hiện nay có công việc làm là lái máy xúc, thu nhập ổn định, chị Th thường xuyên bỏ đi khỏi địa phương và vợ chồng đã sống ly thân.

Làm việc tại trường mầm non xã H cho biết hiện nay cháu B đang theo học mầm non từ năm 2014 đến nay, cháu đi học được bố đưa đón, hiện tại cháu phát triển bình thường, chị Th là mẹ nhưng rất ít khi đưa đón cháu đi học.

Ngoài ra anh Ch cho rằng sau khi sinh con được một thời gian chị Th đã bỏ nhà nhiều lần đi đâu anh không biết, cứ bỏ đi vài tháng mới về, thời gian này anh vẫn chăm nuôi con tốt.

Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay cháu B được 05 tuổi, kể từ khi vợ chồng sống ly thân và những lần chị Th bỏ đi, anh Ch vẫn chăm sóc cháu tốt, tại biên bản hòa giải ngày 18/10/2018 chị Th cũng thống nhất giao cháu B cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng, ngoài ra hiện nay chị Th còn có 01 con riêng sinh năm 2011 mà chị vẫn trực tiếp nuôi. Nên nếu giao cháu B cho chị Th nuôi dưỡng sẽ rất khó khăn và không đảm bảo cho sự phát triển cũng như sinh hoạt của cháu.

Hiện nay anh Ch là lái xe máy múc, theo xác nhận của Doanh nghiệp tư nhân Tân Hải mức lương của anh Ch là 6.600.000đ/tháng, đây thể hiện anh Ch có công việc làm và mức thu nhập ổn định, nên anh Ch nuôi dưỡng cháu B sẽ tốt hơn và đảm bảo hơn về tâm sinh lý của các cháu, còn chị Th đưa ra mức thu nhập nhưng chị không đưa ra được tài liệu chứng minh. Do vậy cần áp dụng Điều 81 và 82 Luật HN&GĐ giao cháu Nguyễn Hoàng B cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Ch không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con do anh có mức thu nhập đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con và anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Mai Thị Th là nguyên đơn trong vụ án nên buộc chị Th phải chịu án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị Th và anh Nguyễn Văn Ch.

2. Về nuôi con chung:

Công nhận vợ chồng có một con chung là cháu:

Nguyễn Hoàng B - Sinh ngày 22 tháng 01 năm 2013.

2.1. Giao con chung Nguyễn Hoàng B cho anh Nguyễn Văn Ch trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Ch.

2.3. Chị Th có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Chị Th và anh Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Mai Thị Th phải chịu 300.000^{đ} tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000^{đ} theo B lai thu tiền số 0000261 ngày 01/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị Th đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Th Hóa;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Thi hành án dân sự;
- UBND xã Hà Tiến (Ghi sổ hộ tịch)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Hoàng Ngọc Tuấn